

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/KDTM - PT
Ngày 21 tháng 01 năm 2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay vốn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Huyền

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trường Sơn.

Ông Nguyễn Việt Tiến.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Kim Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại phúc thẩm thụ lý số: 06/2021/TLPT-KDTM ngày 11 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay vốn” do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2021/ST-KDTM ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2021/QĐ-PT ngày 23 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần C.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 108, phố T, quận H, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh B – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP C.

Người được ủy quyền: Anh Tạ Minh T - Chức vụ: Trưởng Phòng bán lẻ - Chi nhánh P. Địa chỉ: Số nhà 1514, đường H, phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. (Theo văn bản ủy quyền số: 1613/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 16/12/2021 “V/v Ủy quyền thường xuyên tham gia tố tụng”).

Bị đơn: Anh Nguyễn Đức B - sinh năm 1986.

Địa chỉ: Khu 3, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Chị Lê Thị Y- sinh năm 1989.

Địa chỉ: Tổ 4A, khu H, phường D, TP V, tỉnh Phú Thọ.

(anh Tuấn có mặt, chị Y có đơn xin xét xử vắng mặt, anh B vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng anh Tạ Minh T là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 17.84.88/2017-HĐCVHM/NHCT240 ngày 24 tháng 5 năm 2017, Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh

P đã giải quyết cho anh Nguyễn Đức B vay số tiền: 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng chẵn), thời hạn duy trì hạn mức 12 tháng, thời gian cho vay 06 tháng/giấy nhận nợ. Mục đích vay vốn là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh đồ gỗ, đồ mộc dân dụng. Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ anh Nguyễn Đức B, chị Lê Thị Y đã ký kết 02 hợp đồng thế chấp tài sản gồm:

+ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 15.73.45/HĐTC ngày 02/10/2015. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất có diện tích 656,4m², thuộc thửa đất số 144, tờ bản đồ số 10 cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Khu 3, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA584079 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ cấp ngày 28/8/2015 đứng tên anh Nguyễn Đức B, chị Lê Thị Y.

+ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 17.82.111/HĐTC ngày 13/7/2017. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất có diện tích 93,3m², thuộc thửa đất số 884, tờ bản đồ số 36 cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Khu 5, xã K, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 522700 do Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ cấp ngày 11/7/2017 đứng tên anh Nguyễn Đức B, chị Lê Thị Y.

Quá trình thực hiện hợp đồng anh Nguyễn Đức B đã vi phạm Hợp đồng cho vay hạn mức số 17.84.88/2017-HĐCVHM/NHCT240 ngày 24 tháng 5 năm 2017 không trả nợ gốc đến hạn và lãi như cam kết. Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Phú Thọ đã thông báo đôn đốc khách hàng trả nợ nhiều lần nhưng anh Nguyễn Đức B đều không thực hiện đúng cam kết, biểu hiện thái độ chây ỳ không hợp tác.

Nay Ngân hàng TMCP C khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ giải quyết buộc anh Nguyễn Đức B, chị Lê Thị Y phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Phú Thọ số tiền nợ tính đến ngày 01/6/2021 là 383.471.331 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 270.000.000đ, nợ lãi là 113.471.331đ) và toàn bộ số tiền lãi phát sinh từ ngày 02/6/2021 cho đến thời điểm anh Nguyễn Đức B, chị Lê Thị Y thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng. Ngân hàng đề nghị Tòa án duy trì phần tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất có diện tích 656,4m², thuộc thửa đất số 144, tờ bản đồ số 10 cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Khu 3, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 584079 do UBND huyện T, tỉnh Phú Thọ cấp ngày 28/8/2015 đứng tên anh Nguyễn Đức B, chị Lê Thị Y và Quyền sử dụng đất có diện tích 93,3m², thuộc thửa đất số 884, tờ bản đồ số 36 cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Khu 5, xã K, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 522700 do Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ cấp ngày 11/7/2017 đứng tên anh Nguyễn Đức B, chị Lê Thị Y để đảm bảo cho Ngân hàng việc thu hồi vốn, nếu anh Nguyễn Đức B, chị Lê Thị Y không trả được khoản nợ trên thì Ngân hàng có quyền phát mại tài sản để thu hồi vốn.

Phía bị đơn anh Nguyễn Đức B: Tòa án nhân dân huyện T đã gửi giấy báo làm việc nhiều lần nhưng anh B đều vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Y trình bày tại bản tự khai ngày 22/5/2020 và các lời khai tiếp theo chị Y trình bày: Chị là vợ của anh Nguyễn Đức B, chị xác nhận anh B có ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức số 17.84.88/2017-HĐCVHM/NHCT240 ngày 24 tháng 5 năm 2017 với Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Phú Thọ để vay tiền làm ăn. Để đảm bảo cho khoản vay của anh B, chị và anh B có ký

kết với Ngân hàng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 15.73.45/HĐTC ngày 02/10/2015. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất có tổng diện tích 656,4 m², thuộc thửa đất số 144, tờ bản đồ số 10 cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Khu 3, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA584079 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ cấp ngày 28/8/2015 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 17.82.111/HĐTC ngày 13/7/2017. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất có tổng diện tích 93,3m², thuộc thửa đất số 884, tờ bản đồ số 36 cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Khu 5, xã K, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG522700 do Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ cấp ngày 11/7/2017. Toàn bộ tài sản trên đứng tên anh Nguyễn Đức B và chị. Quá trình thực hiện việc vay vốn là có sự bàn bạc thống nhất giữa hai vợ chồng, số tiền vay nợ Ngân hàng mặc dù anh B là người ký kết hợp đồng vay vốn nhưng là nợ chung của vợ chồng. Tính đến ngày 11/7/2019 vợ chồng chị còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 270.000.000đ. Nay Ngân hàng yêu cầu chị và anh B phải trả số tiền nợ gốc trên cho Ngân hàng và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả xong nợ chị nhất trí.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu N trình bày: Ông có mối quan hệ với anh Nguyễn Đức B là chú cháu trong gia đình, chị Y là cháu dâu. Anh B, chị Y có thửa đất số 144, tờ bản đồ số 10, diện tích 656,4m² tại khu 3, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA584079 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ cấp ngày 28/8/2015 đứng tên anh Nguyễn Đức B, chị Lê Thị Y. Anh B, chị Y đã thế chấp với Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Phú Thọ để vay tiền. Do ở gần nên ông có trồng 14 cây xoan và xây 01 chuồng bò trên diện tích đất trên. Nếu anh B, chị Y không trả được nợ cho Ngân hàng mà Ngân hàng đề nghị phát mại tài sản thì ông sẽ có trách nhiệm tự thu hồi toàn bộ tài sản trên.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2021/ST-KDTM ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xử:

Áp dụng Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 30, 35, 144, 147, 156, 157, 186, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 40; điểm b khoản 2 Điều 277; Điều 320, 323, 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ - HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C.

Buộc anh Nguyễn Đức B, chị Lê Thị Y phải trả cho Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Phú Thọ số tiền vay còn nợ tính đến ngày 01/6/2021 là 383.471.331 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 270.000.000đ, nợ lãi là 113.471.331đ) và tiền lãi phát sinh từ ngày 02/6/2021 đến khi tất toán khoản vay.

2. Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 15.73.45/HĐTC ngày 02/10/2015 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 17.82.111/HĐTC ngày 13/7/2017. Đến thời điểm án có hiệu lực pháp luật nếu anh Nguyễn Đức B, chị Lê Thị Y không thanh toán đủ số tiền nợ gốc, nợ lãi thì Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Phú Thọ có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản gồm: Quyền

sử dụng đất có tổng diện tích 656,4 m², thuộc thửa đất số 144, tờ bản đồ số 10 cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất gồm: 01 cây xoài, 02 cây bưởi, 01 cây quất hồng bì, 01 cây khế, 01 cây cau tại địa chỉ: Khu 3, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 584079 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ cấp ngày 28/8/2015 đứng tên anh Nguyễn Đức B, chị Lê Thị Y theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 15.73.45/HĐTC ngày 02/10/2015 và Quyền sử dụng đất có tổng diện tích 93,3 m², thuộc thửa đất số 884, tờ bản đồ số 36 cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất gồm: Bức tường xây dựng trên đất, 01 cây sấu, 02 bụi mai tại địa chỉ: Khu 5, xã K, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 522700 do Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ cấp ngày 11/7/2017 đứng tên anh Nguyễn Đức B, chị Lê Thị Y theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 17.82.111/HĐTC ngày 13/7/2017, theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP C.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật anh B, chị Y không thực hiện trả tiền cho Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Phú Thọ thì anh B, chị Y còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Đến thời điểm án có hiệu lực pháp luật nếu anh Nguyễn Đức B, chị Lê Thị Y không thanh toán đủ số tiền nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Phú Thọ mà Ngân hàng có yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản là Quyền sử dụng đất có tổng diện tích 656,4m², thuộc thửa đất số 144, tờ bản đồ số 10 cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất gồm: 01 cây xoài, 02 cây bưởi, 01 cây quất hồng bì, 01 cây khế, 01 cây cau tại địa chỉ: Khu 3, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA584079 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ cấp ngày 28/8/2015 đứng tên anh Nguyễn Đức B, chị Lê Thị Y theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 15.73.45/HĐTC ngày 02/10/2015 thì ông Nguyễn Hữu N có nghĩa vụ thu hồi các tài sản của ông N tại thửa đất trên gồm: 01 chuồng bò và 14 cây xoan.

Bản án còn tuyên về án phí, các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

Kháng nghị: Ngày 18/8/2021 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ có Quyết định kháng nghị số 336/QĐKNPT-VKS-KDTM với nội dung đề nghị xét xử phúc thẩm, khắc phục những vi phạm của cấp sơ thẩm; cụ thể:

+ Về tố tụng: Vi phạm về việc tổng đạt thông báo thụ lý vụ án đối với anh Nguyễn Đức B xác định là bị đơn; không đưa ông Nguyễn Đức N vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; chứng cứ thu thập không đúng và không đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về áp dụng pháp luật: Bản án tuyên không đúng quy định của pháp luật về lãi, lãi suất và tuyên xử lý tài sản thế chấp không đúng với diện tích đất theo hợp đồng thế chấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đã phát biểu về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về nội dung: Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ. Căn cứ khoản 1 Điều 309 Bộ luật tố tụng Dân sự, sửa Bản án kinh doanh thương mại số 03/2021/KDTM-ST ngày 20/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện T .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của VKSND tỉnh; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết tại Tòa án cấp phúc thẩm nguyên đơn Ngân hàng TMCP C cung cấp văn bản uỷ quyền số 1613/UQ – HĐQT – NHCT18 ngày 16/12/2021 về việc uỷ quyền thường xuyên tham gia tố tụng ông Trần Minh Bình – chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng TMCP C.

[2]. Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Về thủ tục tố tụng: Vi phạm việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng: Việc thông báo về việc thụ lý vụ án, thì anh Nguyễn Đức B là bị đơn trong vụ án. Xét thấy: Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP C ghi địa chỉ của bị đơn ở khu 3, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Hồ sơ vụ án thể hiện năm 2008 anh Nguyễn Đức B kết hôn với chị Lê Thị Y ở địa chỉ tổ 4A, khu H, phường D, thành phố V, tỉnh Phú Thọ và vợ chồng anh B, chị Y ở tại địa chỉ tổ 4A, khu H, phường D, thành phố V, tỉnh Phú Thọ, nhưng được đại diện khu H và Công an phường D thành phố V cung cấp anh Nguyễn Đức B – sinh năm 1986 hiện nay không có mặt tại địa phương, không đăng ký tạm trú và chưa bao giờ sinh sống, cư trú tại tổ 4A, khu H, phường D, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác minh và lấy lời khai của ông Hạnh là bố của anh B (nhờ ông Hạnh thông báo đến anh B về việc giải quyết vụ án). Tại Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện các thủ tục niêm yết đối với bị đơn Nguyễn Đức B theo địa chỉ của bị đơn ở khu 3, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ theo quy định của pháp luật.

+ Đối với nội dung kháng nghị về việc không thông báo cho Viện kiểm sát và đương sự biết thông báo đưa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đức N. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm không thông báo cho Viện Kiểm sát biết việc đưa ông Nguyễn Đức N là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, nhưng trong hồ sơ vụ án thể hiện ông Nguyễn Đức N đã có lời khai, quan điểm về việc giải quyết vụ án. Do vậy, quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Đức N được đảm bảo.

+ Đối với việc thu thập chứng cứ không đúng và không đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như Hợp đồng cho vay hạn mức, tài sản đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất... đều là bản phô tô có đóng dấu của Ngân hàng C - Chi nhánh Phú Thọ. Trong quá trình giải quyết tại Tòa án cấp phúc thẩm Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Phú Thọ đã cung cấp đầy đủ tài liệu chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự .

[2.2]. Đối với việc vi phạm áp dụng pháp luật về pháp luật: Ngân hàng TMCP Công Thương - Chi nhánh Phú Thọ đã ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức số 17.84.88/2017-HĐCVHM/NHCT240 ngày 24/5/2017 với ông Nguyễn Đức B, trong hợp đồng tại Điều 2 đã có thoả thuận về lãi. Theo yêu cầu của Ngân hàng TMCP C hiện nay ông Nguyễn Đức B còn nợ số tiền gốc là 270.000.000đ (Hai trăm bảy mươi triệu đồng) và lãi trong thời gian chưa thanh toán nợ theo như hợp đồng hai bên đã ký

kết. Trong quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm không yêu cầu Ngân hàng TMCP Công Thương - Chi nhánh Phú Thọ cung cấp chứng cứ để xác định tính lãi suất đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 20/7/2021) mà chỉ căn cứ vào lời tự khai của nguyên đơn để tính lãi suất đến thời điểm 01/6/2021. Lẽ ra, Tòa án nhân dân huyện T phải căn cứ khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, quy định: “*Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng xác lập kể từ ngày 01/01/2017 được xác định như sau:*

a. Lãi trên nợ gốc, lãi trên nợ gốc quá hạn được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều này.

b. Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi trên nợ gốc theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất giới hạn mà pháp luật quy định tương ứng với thời gian chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn.

Bản án số 03/2021/ST- KDTM ngày 20/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định buộc anh Nguyễn Đức B, chị Lê Thị Y phải trả cho Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Phú Thọ số tiền nợ tính đến ngày 01/6/2021 là 383.471.331đ (Trong đó nợ gốc: 270.000.000đ, nợ lãi: 113.471.331đ) và tiền lãi phát sinh từ ngày 02/6/2021 đến khi tất toán khoản vay, nhưng không quyết định rõ ràng khoản lãi kể từ ngày 02/6/2021 theo lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Quá trình giải quyết Tòa án cấp phúc thẩm Ngân hàng TMCP Công Thương - Chi nhánh Phú Thọ cung cấp tài liệu, Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm tính hợp pháp của tài liệu chứng cứ, căn cứ xác định để tính lại đối với các khoản gốc và lãi phải tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 20/7/2021 tổng cộng là: 388.636.469đ (trong đó: gốc 270.000.000đ; lãi 81.012.576đ; lãi phạt: 37.623.893đ). Do vậy, nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ có căn cứ chấp nhận.

Đối với kháng nghị có nội dung tại Bản án sơ thẩm còn quyết định:”...Ngân hàng có quyền phát mại tài sản gồm:... Quyền sử dụng đất có tổng diện tích 93,3m² thuộc thửa đất số 884, tờ bản đồ số 36 tại khu 5, xã K, thành phố V, tỉnh Phú Thọ”. Tuy nhiên tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 17.82.111/HĐTC ngày 13/7/2017 giữa Ngân hàng Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Phú Thọ và anh B, chị Y tại Điều 2 của hợp đồng tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa đất số 884, tờ bản đồ số 36, diện tích 99,3m² tại khu 2 xã K, thành phố V, và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 522700 mang tên ông Nguyễn Đức B và bà Lê Thị Y do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 11/7/2017 có thửa đất số 884, tờ bản đồ số 36, diện tích 99,3m² tại khu 2 xã K, thành phố V. Căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Hợp đồng thế chấp tài sản cần sửa lại diện tích thửa đất số 884, tờ bản đồ số 36, diện tích 93,3m² thành thửa đất số 884, tờ bản đồ số 36, diện tích 99,3m² tại khu 2 xã K, thành phố V mang tên ông Nguyễn Đức B và bà Lê Thị Y do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 11/7/2017 để đảm bảo cho việc thi hành án. Do vậy, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ có căn cứ chấp nhận.

Từ những căn cứ trên, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ có cơ sở chấp nhận. Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án kinh doanh sơ thẩm số

03/2021/ST - KDTM ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2021/ST-KDTM ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T do Viện kiểm sát kháng nghị, các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ Luật tố tụng dân sự. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ; sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2021/DS - ST ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Áp dụng Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 30, 35, 144, 147, 156, 157, 186, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 40; điểm b khoản 2 Điều 277; Điều 320, 323, 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ - HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 8, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ - HĐTP khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C.

Buộc anh Nguyễn Đức B, chị Lê Thị Y phải trả cho Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Phú Thọ số tiền vay còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 20/7/2021 tổng cộng là: 388.636.469đ (trong đó: gốc 270.000.000đ; lãi 81.012.576đ; lãi phạt: 37.623.893đ) và tiền lãi phát sinh từ ngày 21/7/2021 đến khi tất toán khoản vay.

2. Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 15.73.45/HĐTC ngày 02/10/2015 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 17.82.111/HĐTC ngày 13/7/2017. Đến thời điểm án có hiệu lực pháp luật nếu anh Nguyễn Đức B, chị Lê Thị Y không thanh toán đủ số tiền nợ gốc, nợ lãi thì Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Phú Thọ có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản gồm: Quyền sử dụng đất có tổng diện tích 656,4m², thuộc thửa đất số 144, tờ bản đồ số 10 cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất gồm: 01 cây xoài, 02 cây bưởi, 01 cây quất hồng bì, 01 cây khế, 01 cây cau tại địa chỉ: Khu 3, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 584079 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ cấp ngày 28/8/2015 đứng tên anh Nguyễn Đức B, chị Lê Thị Y theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 15.73.45/HĐTC ngày 02/10/2015 và Quyền sử dụng đất có tổng diện tích 99,3 m², thuộc thửa đất số 884, tờ bản đồ số 36 cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất gồm: Bức tường xây dựng trên đất, 01 cây sấu, 02 bụi mai tại địa chỉ: Khu 5, xã K, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 522700 do Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ cấp ngày 11/7/2017 đứng tên anh Nguyễn Đức B, chị Lê Thị Y theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 17.82.111/HĐTC ngày 13/7/2017, theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP C.

Trường hợp anh B, chị Y không thực hiện trả tiền cho Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh P kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thoả thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Đến thời điểm án có hiệu lực pháp luật nếu anh Nguyễn Đức B, chị Lê Thị Y không thanh toán đủ số tiền nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Phú Thọ mà Ngân hàng có yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản là Quyền sử dụng đất diện tích 656,4m², thuộc thửa đất số 144, tờ bản đồ số 10 cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất gồm: 01 cây xoài, 02 cây bưởi, 01 cây quất hồng bì, 01 cây khế, 01 cây cau tại địa chỉ: Khu 3, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA584079 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ cấp ngày 28/8/2015 đứng tên anh Nguyễn Đức B, chị Lê Thị Y theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 15.73.45/HĐTC ngày 02/10/2015 thì ông Nguyễn Hữu N có nghĩa vụ thu hồi các tài sản của ông N tại thửa đất trên gồm: 01 chuồng bò và 14 cây xoan.

4. Về án phí :

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Đức B, chị Lê Thị Y phải chịu 19.431.823đ (Mười chín triệu, bốn trăm ba mươi một nghìn, tám trăm hai mươi ba đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh Phú Thọ số tiền 7.760.000đ (Bảy triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0002523 ngày 11/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ.

+ Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị Viện kiểm sát kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THADS huyện T;
- TAND huyện T;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu HS, TDS, VP.

(đã ký)

Lê Thị Thu Huyền